

Mã QR code
(nếu có)

Mã số hồ sơ: ...(*).....

Mẫu số 20

DANH SÁCH THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi số : 01,02, 03, 04, 05, 06, 07 ngày 02 tháng 4 năm 2026)

Tài khoản dự toán :

Tài khoản tiền gửi :

1. Đơn vị giao dịch : **TRƯỜNG THCS PHÚ AN**

2. Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: **1108982.**

STT	ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG		SỐ TIỀN
		SỐ TÀI KHOẢN ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG	TÊN NGÂN HÀNG	
1	2	3		4
	Tổng số			3.873.244.047
I	Công chức			
II	Viên chức			3.754.667.097
1	Nguyễn Anh Việt	5503205522840	NH Agribank BC	80.960.499
2	Nguyễn Thanh Hiền	5503215024460	NH Agribank BC	86.335.926
3	Huỳnh Thị Thanh Tâm	5503215024040	NH Agribank BC	80.589.453
4	Đoàn Thu Thủy	5503215024352	NH Agribank BC	63.620.697
5	Lê Kim Hương	5503215024533	NH Agribank BC	54.765.309
6	Đỗ Thị Hiền	5503215024070	NH Agribank BC	63.283.933
7	Thân Thị Minh Trang	5503215024323	NH Agribank BC	60.621.522
8	Huỳnh Thị Hồng Hoa	5503215024540	NH Agribank BC	72.296.348
9	Trịnh Thị Mỹ Linh	5503215023888	NH Agribank BC	62.723.705
10	Đỗ Thị Ngọc Thu	5503215024454	NH Agribank BC	59.164.520
11	Đặng Thị Ngọc Bảo	5503215024402	NH Agribank BC	60.715.834
12	Hồ Thị Bích Ngọc	5503215023915	NH Agribank BC	63.732.951
13	Vương Thị Ánh Nguyệt	5503215024244	NH Agribank BC	63.059.424
14	Nguyễn Thị Thanh Hiền	5503215024448	NH Agribank BC	58.960.113
15	Võ Văn Thanh	5503215008470	NH Agribank BC	79.483.142
16	Nguyễn Thị Nga	5503215008493	NH Agribank BC	60.499.283
17	Hoàng Ngọc Hữu	5503215024063	NH Agribank BC	56.520.607
18	Đinh Thị Ngọc Quý	5503215024113	NH Agribank BC	68.236.373
19	Đặng Thị Hồng Nhung	5503215024375	NH Agribank BC	50.241.277
20	Huỳnh Ngọc Nữ	5503215023865	NH Agribank BC	62.212.864
21	Hồ Thị Hồng Vân	5503215014234	NH Agribank BC	57.289.869
22	Nguyễn Minh Lụa	5503215014257	NH Agribank BC	55.279.596
23	Nguyễn Thị Thúy	5503215014228	NH Agribank BC	57.289.869
24	Trần Thị Phương Oanh	5503215014286	NH Agribank BC	38.929.091
25	Trần Như Thúy	5503215011945	NH Agribank BC	69.316.105
26	Nguyễn Thị Hà	5503215032548	NH Agribank BC	53.691.029
27	Nguyễn Thị Thu Hồng	5503215034464	NH Agribank BC	58.849.119
28	Trịnh Thị Mỹ Dương	5503215036476	NH Agribank BC	64.425.362

STT	ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG		SỐ TIỀN
		SỐ TÀI KHOẢN ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG	TÊN NGÂN HÀNG	
29	Ngô Thị Hoài Ngân	5503215036482	NH Agribank BC	49.787.624
30	Lê Thị Thanh Trà	5503215061740	NH Agribank BC	40.445.148
31	Ngô Thị Ngọc Linh	5503215040920	NH Agribank BC	42.100.724
32	Nguyễn Thành Đông	5503215032049	NH Agribank BC	64.425.362
33	Phan Công Sơn	5503215041815	NH Agribank BC	37.442.557
34	Võ Thị Thu Trang	5503215041794	NH Agribank BC	48.299.625
35	Phan Thị Nguyên	5503215042491	NH Agribank BC	45.802.692
36	Phạm Đình Vương	5503215043305	NH Agribank BC	56.260.193
37	Lê Quang Nhân	5503215044813	NH Agribank BC	59.472.209
38	Nguyễn Thị Hồng Thúy	5503215046542	NH Agribank BC	58.743.985
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	5503215048481	NH Agribank BC	54.142.920
40	Phan Thúy Hà	5503215048469	NH Agribank BC	54.142.920
41	Nguyễn Thanh Xuân	5503215048446	NH Agribank BC	56.850.066
42	Nguyễn Minh Quân	5503215048452	NH Agribank BC	38.061.001
43	Nguyễn Thị Thắm	5503215052450	NH Agribank BC	37.925.881
44	Nguyễn Hữu Ái	5503215052489	NH Agribank BC	37.991.261
45	Lâm Thanh Trúc	5503215052437	NH Agribank BC	37.991.261
46	Đoàn Thị Sen	5503215052420	NH Agribank BC	37.566.232
47	Bùi Thị Thơm	5503215052414	NH Agribank BC	37.991.261
48	Nguyễn Viêt Chung	5503215055412	NH Agribank BC	64.425.362
49	Nguyễn Phạm Mỹ Hạnh	5503215055986	NH Agribank BC	44.934.501
50	Phạm Thị Quyên	5503215055963	NH Agribank BC	44.934.501
51	Bùi Trần Anh Thư	5503215038580	NH Agribank BC	45.886.464
52	Lê Thị Liên	5503215059698	NH Agribank BC	49.695.921
53	Đặng Thị Bích Trâm	5503215060152	NH Agribank BC	34.100.703
54	Nguyễn Hữu Nghĩa	5503205199156	NH Agribank BC	37.496.491
55	Đỗ Kim Anh	5503205232961	NH Agribank BC	34.100.703
56	Phan Nguyễn Ngọc Thêm	5503205232978	NH Agribank BC	44.934.501
57	Nguyễn Thị Thủy Quỳnh	5503215065110	NH Agribank BC	45.970.236
58	Bùi Huy Lộc	5503215066540	NH Agribank BC	47.433.380
59	Võ Thị Tố Như	5503205236180	NH Agribank BC	35.155.235
60	Võ Thị Phương Linh	5503215067854	NH Agribank BC	34.100.703
61	Hoàng Thị Hoài Thương	5500205661743	NH Agribank BC	29.276.623
62	Nguyễn Thị Mỹ Hân	5503281001562	NH Agribank BC	29.958.201
63	Đàm Minh Thư	5503215064600	NH Agribank BC	29.958.201
64	Trần Thị Thùy Tiên	5503215031393	NH Agribank BC	38.206.881
65	Phạm Thị Bích Trâm	5503215074128	NH Agribank BC	44.689.916
66	Nguyễn Quang Hiền	5503215085958	NH Agribank BC	63.396.188
67	Phạm Minh Thành	5503215066897	NH Agribank BC	29.617.412
68	Phan Thanh Dũ	5507205172872	NH Agribank BC	26.255.502

STT	ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG		SỐ TIỀN
		SỐ TÀI KHOẢN ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG	TÊN NGÂN HÀNG	
69	Nguyễn Thị Ngân	5503215065229	NH Agribank BC	31.885.542
70	Trương Thị Thùy Dương	5503215066976	NH Agribank BC	26.255.502
71	Vương Nguyễn Hữu Toàn	5503205277330	NH Agribank BC	31.183.542
72	Lê Thị Hoàng Dung	5503215066868	NH Agribank BC	26.255.502
73	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	5503281001766	NH Agribank BC	31.183.542
74	Hoàng Nữ Cẩm Tú	5503215077394	NH Agribank BC	25.658.164
75	Nguyễn Duy Hoài Nam	5503215077409	NH Agribank BC	26.255.502
76	Võ Thị Nhâm	5503215052920	NH Agribank BC	37.363.599
77	Huỳnh Thanh Khương	6460205995197	NH Agribank Tân Phú	5.561.841
III	Lao động hợp đồng			118.576.950
1	Trần Thị Thu Hà	5503215066845	NH Agribank BC	13.752.450
2	Huỳnh Ngọc Phương Thy	5503215066851	NH Agribank BC	11.952.450
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	5503215066901	NH Agribank BC	11.952.450
6	Nguyễn Ngọc Phương Linh	5503205568522	NH Agribank BC	11.952.450
7	Nguyễn Thị Minh Tâm	5503215057686	NH Agribank BC	18.252.450
8	Phạm Thị Linh Đa	5503205447720	NH Agribank BC	11.952.450
9	Trần Thị Hồng	5503215064840	NH Agribank BC	7.752.450
10	Nguyễn Văn Phước	5503205296232	NH Agribank BC	7.752.450
11	Trần Tuấn Khải	5503215046559	NH Agribank BC	7.752.450
12	Trần Ngọc Thanh	5503215046565	NH Agribank BC	7.752.450
13	Nguyễn Quốc Tuấn	5503205349280	NH Agribank BC	7.752.450
IV	Đối tượng khác			-

Tổng số tiền bằng chữ: Ba tỷ, tám trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi bốn ngàn, không trăm bốn mươi bảy đồng./.

Phủ An, ngày 02 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, ghi họ tên)

Đinh Thị Ngọc Quý

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi họ tên)

Đinh Thị Ngọc Quý

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Anh Việt

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

..., ngày... tháng... năm....

NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

(Ký, ghi họ tên)

**LÃNH ĐẠO KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC/LÃNH ĐẠO
PHÒNG THUỘC KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)